| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 71/2023/DS-ST
Ngày 06 - 9 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Mỹ Xuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Ngọc Kiệp

2. Ông Phạm Văn Sáu

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P. Địa chỉ trụ sở chính: X và Y đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Z, TTTM B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Ông Mai Thanh G, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Trần Phú (Theo Giấy ủy quyền v/v ủy quyền trong hoạt động tố tụng số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023).

*Ông Mai Thanh G ủy quyền tham gia tố tụng cho:* Ông Nguyễn Trung H - Trưởng nhóm thu hồi nợ hiện trường (Theo Giấy ủy quyền v/v ủy quyền tham gia phiên tòa số 51/2023/UQ-BL ngày 26/4/2023) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng), ông Nguyễn Trung H và bị đơn, bà Võ Ngọc N thống nhất trình bày:*

Ngày 06/04/2020 Ngân hàng TMCP P - Phòng Giao dịch T với bà Võ Ngọc N ký kết Hợp đồng tín dụng không tài sản bảo đảm số 0045/2020/PTB/HĐTD với nội dung Ngân hàng cho bà N vay số tiền gốc 120.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu tiên; lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 13,5%/năm, từ tháng thứ 07 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 06/10/2020; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; phương thức vay từng lần; thời hạn rút vốn theo quy định của Ngân hàng. Ngân hàng và bà N thỏa thuận phương thức trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng với số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 2.000.000 đồng và số tiền lãi mỗi kỳ theo dư nợ thực tế; kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 15/5/2020. Ngân hàng đã giải ngân cho bà N theo Khế ước nhận nợ số 0045/2020/PTB/KUNN ngày 06/04/2020 và theo thỏa thuận thì ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/4/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà N đã thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng từ ngày 15/5/2020 đến ngày 15/02/2023 thì không thanh toán nữa nên bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng từ ngày 15/02/2023.

*Theo Đơn khởi kiện ngày 21/4/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P, ông Nguyễn Trung H trình bày:* Nay Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 57.455.633 đồng, trong đó, nợ gốc là 51.999.987 đồng, lãi trong hạn là 4.500.268 đồng, lãi quá hạn là 955.378 đồng; các khoản lãi phí và chi phí phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác và không trình bày gì thêm.

*Theo bị đơn, bà Võ Ngọc N trình bày:* Bà N thống nhất còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 57.455.633 đồng; trong đó, nợ gốc: 51.999.987 đồng, lãi trong hạn: 4.500.268 đồng, lãi quá hạn 955.378 đồng, bà N đồng ý thanh toán các khoản nợ trên; đồng ý thanh toán các khoản lãi phí và chi phí phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng yêu cầu được thanh toán mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác và không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, những người tham dự phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà N. Buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 57.455.633 đồng (trong đó, nợ gốc là 51.999.987 đồng, lãi trong hạn là 4.500.268 đồng, lãi quá hạn 955.378 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong nợ. Bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng không tài sản bảo đảm số 0045/2020/PTB/HĐT ngày 06/4/2020 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) đã ký kết. Bà N hiện cư trú tại ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự và Hợp đồng tín dụng không tài sản bảo đảm số 0045/2020/PTB/HĐT ngày 06/4/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Phòng Giao dịch T với bà N, có cơ sở khẳng định bà N đã vay và được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 120.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 13,5%/năm, từ tháng thứ 07 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 06/10/2020; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên, bà N có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, trong đó, tiền gốc phải thanh toán là 2.000.000 đồng và tiền lãi theo dư nợ thực tế. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà N đã thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng từ ngày 15/5/2020 đến ngày 15/02/2023 thì không thanh toán nữa nên bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng kể từ ngày 15/02/2023.

[3] Theo điểm g khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 0045/2020/PTB/HĐT ngày 06/4/2020, thì Ngân hàng được quyền quyết định ngưng cho vay hoặc chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn đối với bên vay khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau: "*Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này*". Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2023) là 57.455.633 đồng (trong đó nợ gốc là 51.999.987 đồng, lãi trong hạn là 4.500.268 đồng và lãi quá hạn là 955.378 đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trên Hợp đồng tín kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh

toán xong nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên buộc bà N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà N thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không buộc ai khác cùng bà N có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng.

[6] Bà N yêu cầu được thanh toán nợ cho Ngân hàng theo phương thức mỗi tháng thanh toán từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, Ngân hàng không đồng ý yêu cầu của bà N và yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử mà thuộc phạm vi điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà N phải chịu 5% trên tổng số tiền bà N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, bằng 5% x 57.455.633 đồng = 2.872.782 đồng. Ngân hàng không phải nộp án phí, đã dự nộp 1.342.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013623 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại.

[8] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với bà Võ Ngọc N về việc yêu cầu bà Võ Ngọc N thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2023) là 57.455.633 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng); trong đó: nợ gốc là 51.999.987 đồng (Năm mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 4.500.268 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 955.378 đồng (Chín trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

**2.** Buộc bà Võ Ngọc N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P (do Ngân hàng TMCP P - Phòng Giao dịch T nhận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2023) là 57.455.633 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng); trong đó: nợ gốc là 51.999.987 đồng (Năm mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 4.500.268 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 955.378 đồng (Chín trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

**3.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), bà Võ Ngọc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này cho Ngân hàng TMCP P. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP P thì lãi suất mà bà Võ Ngọc N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP P.

**4.** Về án phí: Bà Võ Ngọc N phải nộp 2.872.782 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng TMCP P không phải nộp án phí, đã nộp tạm ứng án phí 1.342.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013623 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Mỹ Xuyến**